CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH

Địa chỉ: Tầng 1, số 163, Đường Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành,

Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mã số thuế: 0103930374

Tel: 024.3997 0803 Fax: 024. 3868 6263

****

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

GIỮA NIÊN ĐỘ

QUÝ IV NĂM 2017

Bao gồm:

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ
- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ
- Thuyết minh báo cáo tài chính

Nơi nhận báo cáo:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH
Địa chỉ: Tầng 1, số 163, Đường Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B 02a - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)
QUÝ 4 NĂM 2017

Đơn vị tính: đồng

Số TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.1	43,983,562,609	43,034,150,247	99,100,808,759	103,043,742,446
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01- 02)	10		43,983,562,609	43,034,150,247	99,100,808,759	103,043,742,446
4.	Giá vốn hàng bán	11		43,339,479,614	34,677,367,270	95,517,352,905	86,255,695,937
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		644,082,995	8,356,782,977	3,583,455,854	16,788,046,509
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	IV.2	21,064,647,081	5,428,882	21,448,679,142	1,368,992,627
7.	Chi phí tài chính	22	IV.3	-194,420,739	109,545,594	56,497,991	277,538,471
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*9,869,283*	*109,545,594*	*260,788,013*	*277,538,471*
8.	Chi phí bán hàng	25	IV.4	122,508,695	1,675,278,000	779,656,076	1,704,126,386
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	IV.5	1,388,192,964	1,273,267,855	3,411,313,999	3,910,951,277
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=(20+(21-22)-(25+26)]	30		20,392,449,156	5,304,120,410	20,784,666,930	12,264,423,002
11.	Thu nhập khác	31		539,493,806		1,020,408,887	1,400,000
12.	Chi phí khác	32		505,573,068		969,581,156	
13.	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		33,920,738	0	50,827,731	1,400,000
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		20,426,369,894	5,304,120,410	20,835,494,661	12,265,823,002
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	IV.6	4,187,047,221	1,171,414,000	4,353,165,238	2,613,661,920
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		16,239,322,673	4,132,706,410	16,482,329,423	9,652,161,082
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		946.35	264.92	960.51	618.73
19	Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	
Hoàng Thị Thơm	Hoàng Thị Ngát	Đặng Quang Thái

M.S.D.N: 0103930... C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH Q. HAI BÀ TRƯNG T.P HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH

Địa chỉ: Tầng 1, số 163, Đường Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B 01a - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
	A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	**100**		**144,827,799,013**	**75,450,029,079**
I	**Tiền và các khoản tương đương tiền (110=111+112)**	**110**		**127,485,116,625**	**5,228,910,081**
1	Tiền	111	III.1	127,485,116,625	5,228,910,081
2	Các khoản tương đương tiền	112			
II	**Đầu tư tài chính ngắn hạn (120=121+122+123)**	**120**			
1	Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn	121			
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III	**Các khoản phải thu ngắn hạn (131+132+133+134+135+136+137+139)**	**130**		**17,340,682,388**	**69,900,103,458**
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		14,267,771,002	68,779,635,430
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3,011,035,386	94,862,750
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	III.2		300,000,000
6	Phải thu ngắn hạn khác	136	III.3	61,876,000	1,550,605,278
7	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137			(825,000,000)
8	Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV	**Hàng tồn kho (140=141+149)**	**140**			**321,015,540**
1	Hàng tồn kho	141	III.4		321,015,540
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V	**Tài sản ngắn hạn khác (150=151+152+153+154+155)**	**150**		**2,000,000**	
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	III.5	2,000,000	
4	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5	Tài sản ngắn hạn khác	155			
	B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	**200**		**67,513,647,000**	**175,916,554,627**
I	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**			**19,404,842,500**
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2	Trả trước cho người bán dài hạn	212			

3	Vốn kinh doanh ở đơn vị phụ thuộc	213			
4	Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5	Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6	Phải thu dài hạn khác	216	III.6		19,404,842,500
7	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II	**Tài sản cố định (220=221+224+227)**	**220**			**1,282,630,490**
1	Tài sản cố định hữu hình	221	III.7		1,282,630,490
	- Nguyên giá	*222*			*2,932,448,182*
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	*223*			*(1,649,817,692)*
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224			
	- Nguyên giá	*225*			
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	*226*			
3	Tài sản cố định vô hình	227			
	- Nguyên giá	*228*			
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	*229*			
III	**Bất động sản đầu tư (230=231+232)**	**230**			
	- Nguyên giá	231			
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV	**Tài sản dở dang dài hạn (240=241+242)**	**240**			
1	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			
V	**Đầu tư tài chính dài hạn (250=251+252+253+254+255)**	**250**		**67,500,000,000**	**155,195,709,978**
1	Đầu tư vào công ty con	251			
2	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	III.8a	67,500,000,000	122,400,000,000
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	III.8b		33,000,000,000
4	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			-204,290,022
4	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI	**Tài sản dài hạn khác (260=261+262+263+268)**	**260**		**13,647,000**	**33,371,659**
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	III.9	13,647,000	33,371,659
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4	Tài sản dài hạn khác	268			
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**212,341,446,013**	**251,366,583,706**

Đơn vị tính: đồng

Số TT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
	C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	**300**		**12,544,132,359**	**68,051,599,475**
I	**Nợ ngắn hạn (310=311+312 +...+324)**	**310**		**12,544,132,359**	**67,365,019,475**
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311		4,467,020,457	58,448,120,894
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2,581,765,714	
3	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	III.10	4,578,915,347	3,494,571,566
4	Phải trả người lao động	314			
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315			
6	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9	Phải trả ngắn hạn khác	319			
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	III.12	916,430,841	5,422,327,015
11	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322			
13	Quỹ bình ổn giá	323			
14	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II	**Nợ dài hạn (330=331+332+...+343)**	**330**			**686,580,000**
1	Phải trả người bán dài hạn	331			
2	Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3	Chi phí phải trả dài hạn	333			
4	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5	Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7	Phải trả dài hạn khác	337			
8	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	III.13		686,580,000
9	Trái phiếu chuyển đổi	339			
10	Cổ phiếu ưu đãi	340			
11	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12	Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
	B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	**400**		**199,797,313,654**	**183,314,984,231**
I	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**III.14**	**199,797,313,654**	**183,314,984,231**
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411		171,600,000,000	171,600,000,000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*			
	- Cổ phiếu ưu đãi	*411b*			
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		(30,000,000)	(30,000,000)
3	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4	Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5	Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			

8	Quỹ đầu tư phát triển	418			
9	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		28,227,313,654	11,744,984,231
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*11,744,984,231*	*11,744,984,231*
	- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*16,482,329,423*	
12	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**			
1	Nguồn kinh phí	431			
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**212,341,446,013**	**251,366,583,706**

Lập, ngày 10 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)
Hoàng Thị Thơm	Hoàng Thị Ngát	Đặng Quang Thái

M.S.D.N: 0103930374 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH
Q. HAI BÀ TRƯNG - TP HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH

Địa chỉ: Tầng 1, số 163, Đường Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B 03a - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý IV năm 2017

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		175,026,910,367	47,869,783,416
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(163,902,557,823)	(32,747,406,644)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2,130,859,644)	(1,542,435,953)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(260,788,013)	(277,538,471)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(2,624,787,573)	(4,685,335,558)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		61,139,801,216	27,057,205,877
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(19,476,398,408)	(8,008,199,671)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**47,771,320,122**	**27,666,072,996**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			(15,627,273)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(16,000,000,000)	(5,500,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		22,200,000,000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(67,500,000,000)	(44,000,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		138,392,000,000	5,500,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		165,036,624	118,992,627
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**77,257,036,624**	**(43,896,634,646)**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lãi vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		6,644,500,000	1,677,000,000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(9,416,650,202)	(3,194,212,000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(2,772,150,202)**	**(1,517,212,000)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	**50**		**122,256,206,544**	**(17,747,773,650)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		5,228,910,081	22,935,153,224
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	**70**		**127,485,116,625**	**5,187,379,574**

Lập, ngày 10 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	
Hoàng Thị Thơm	Hoàng Thị Ngát	Đặng Quang Thái

M.S.D.N: 0103930374 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH
Q. HAI BÀ TRƯNG - T.P HÀ NỘI

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Khái quát chung:

Công ty cổ phần đầu tư tài chính Hoàng Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần hạch toán độc lập , hoạt động theo Luật doanh nghiệp , được Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp giấy phép kinh doanh số 0103025669 ngày 04/06/2009, sửa đổi lần 6 ngày 08/06/2017.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 171.600.000.000 đồng. (Bằng chữ: Một trăm bảy mươi một tỷ, sáu trăm triệu đồng chẵn)

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 1, số 163 đường Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chi tiết như sau:

1. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;

2. Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;

3. Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;

4. Thẩm tra bản vẽ thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thiết kế thi công các công trình;

5. Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện các công trình dân dụng và công nghiệp; giao thông, hạ tầng kỹ thuật;

6. Thiết kế các công trình xây dựng bao gồm:

- Thiết kế kiến trúc các công trình;

- Thiết kế kết cấu các công trình dân dụng và công nghiệp;

- Thiết kế công trình thuỷ lợi;

- Thiết kế các công trình đường bộ;

- Thiết kế các công trình cấp thoát nước;

- Thiết kế công trình điện, đường dây và trạm biến áp đến 35KV;

7. Dịch vụ vận tải hành khách du lịch bằng ô tô;

8. Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;

9. Kinh doanh máy móc, thiết bị, vật tư, vật liệu và các sản phẩm trang trí nội ngoại thất công trình;

10. Sản xuất vật liệu xây dựng (gạch tuynel, cát, đá, sỏi);

11. Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật khu đô thị và khu công nghiệp;

12. Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình;

13. Lập hồ sơ mờ thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu các công trình;

14. Thẩm tra dự án đầu tư, tổng dự toán và dự toán chi tiết các công trình.

15. Tư vấn lập dự án đầu tư các công trình (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)

II- CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI DOANH NGHIỆP

1. Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày *01/01 và kết thúc vào ngày 31/12*

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán số 01 – Chuẩn mực chung.*

3. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

4. Hình thức kế toán áp dụng: Công ty áp dụng hình thức kế toán "Nhật ký chung" được ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phầm mềm kế toán Foman AS. Đến thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính Công ty đã in đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

5. Phương pháp kế toán hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn: *Áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên*

6. Phương pháp khấu hao tài sản cố định đang áp dụng:

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Số năm khấu hao
Phương tiện vận tải	06 - 10

7. Chi phí trả trước ngắn hạn:

Các khoản chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các khoản chi phí phát sinh trong năm tài chính có liên quan đến nhiều kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước ngắn hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh trong từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

8. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết , liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc ; lợi nhuận thuần được chia từ Công ty liên kết , liên doanh phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận và phản ánh trên Báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giá trị các khoản đầu tư bị giảm giá , Công ty sẽ xem xét việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho phần giá trị bị tổn thất . Trong trường hợp không có thông tin tham chiếu để xác định mức độ giảm giá của các khoản đầu tư, giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác sẽ vẫn được ghi nhận và phản ánh theo giá gốc trên Báo cáo tài chính..

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.
Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc xây dựng hoặc đầu tư tài sản cố định trong quá trình đầu tư được vốn hóa vào giá trị tài sản hoặc công trình khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Các khoản chi phí đi vay khác phát sinh được phản ánh vào kết quả kinh doanh.

10. Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán. Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phần công việc đã thực sự hoàn thành trong năm.

Doanh thu hoạt động tài chính là các khoản lãi tiền gửi ngân hàng. Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng và tiền thực thu được.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

11. Thuế

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế TNDN hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện tại phải trả trong năm được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm sau khi trừ đi lỗ lũy kế từ những năm trước.

Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Các loại thuế khác được thực hiện theo các qui định hiện hành của Nhà nước.

III- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

01. Tiền và tương đương tiền	**31/12/2017**	**01/01/2017**
- Tiền mặt	726,904,385	1,032,649,536
- Tiền gửi ngân hàng	126,758,212,240	4,196,260,545
- Tương đương tiền		
Cộng	**127,485,116,625**	**5,228,910,081**

02. Phải thu về cho vay ngắn hạn:	**31/12/2017**	**01/01/2017**
Công ty CP đầu tư Tam Hà		300,000,000
Cộng	**0**	**300,000,000**

03. Phải thu ngắn hạn khác:	**31/12/2017**	**01/01/2017**
3.1 Tạm ứng CBCNV		**378,000,000**
3.2 Phải thu khác	**0**	**1,171,386,528**
Nguyễn Quang Chung		15,000,000
Công ty CP gạch nhẹ Phúc Sơn		1,143,766,528
Công ty CP đầu tư nông nghiệp Hà Nam		6,620,000
HTX PTNN sạch Chân Lý		6,000,000
3.3 Phải thu ngắn hạn khác	**61,876,000**	**1,218,750**
Tiền BHXH	2,869,000	1,218,750
Tiền đặt cọc thuê nhà	59,007,000	
Cộng (3.1+3.2+3.3)	**61,876,000**	**1,550,605,278**

04. Hàng tồn kho	**31/12/2017**	**01/01/2017**
- Hàng hoá		321,015,540
- Chi phí SXKD dở dang		
Cộng	**0**	**321,015,540**

05. Tài sản ngắn hạn khác:	**31/12/2017**	**01/01/2017**
Thuế và các khoản phải thu NN (thuế Môn bài)	2,000,000	

06. Phải thu dài hạn khác (TK 1388D):	**31/12/2017**	**01/01/2017**
Công ty CP gạch nhẹ Phúc Sơn		2,946,842,500
HTX PTNN sạch Chân Lý		150,000,000
Hoàng Văn Minh		3,103,000,000
Nguyễn Huy Quang		6,205,000,000

Vũ Văn Quảng		2,000,000,000
Trần Ngọc Tú		5,000,000,000
Cộng	**0**	**19,404,842,500**

07. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	**Tổng cộng**
(1) Nguyên giá TSCĐ						
- Số dư 01/01/2017			2,879,082,727	53,365,455		**2,932,448,182**
- Số tăng trong kỳ			0			**0**
- Số giảm trong kỳ			2,879,082,727	53,365,455		**2,932,448,182**
- Tại ngày 31/12/2017			0	0		**0**
(2) Giá trị hao mòn luỹ kế						
- Số dư 01/01/2017			1,649,817,692			**1,649,817,692**
- Số tăng trong kỳ			1,229,265,035	53,365,455		**1,282,630,490**
- Số giảm trong kỳ:			2,879,082,727	53,365,455		**2,932,448,182**
- Số dư 31/12/2017			0	0		**0**
(3) Giá trị còn lại (1-2)						
- Tại ngày 01/01/2017			1,229,265,035	53,365,455		**1,282,630,490**
- Tại ngày 31/12/2017			0	0		**0**

* Thuyết minh số liệu và giải trình khác:

- TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

- Lý do tăng giảm:

08a. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:	**31/12/2017**	**01/01/2017**
- Công ty cổ phần Phú Gia Hà Nam		39,200,000,000
- Công ty cổ phần đầu tư Tam Hà		39,200,000,000
- Công ty CP đầu tư nông nghiệp Hà Nam		44,000,000,000
- Công ty TNHH đầu tư Cam Lâm	67,500,000,000	
Cộng	**67,500,000,000**	**122,400,000,000**

* Lý do tăng, giảm:

08b. Đầu tư khác:	**31/12/2017**	**01/01/2017**
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:	**0**	**23,000,000,000**
- Công ty CP đầu tư PT nhà và đô thị Phú Gia		23,000,000,000
Đầu tư khác:	**0**	**10,000,000,000**
- Hợp tác đầu tư (HTX Chân Lý)		10,000,000,000
Cộng	**0**	**33,000,000,000**

** Lý do tăng, giảm: Bán cổ phần và thu hồi vốn đầu tư*

09. Chi phí trả trước dài hạn:	**31/12/2017**	**01/01/2017**
Giá trị CCDC, chi phí chờ phân bổ và tiền thuê nhà:	13,647,000	33,371,659
Cộng	**13,647,000**	**33,371,659**

10- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	**31/12/2017**	**01/01/2017**
- Thuế GTGT	234,439,215	805,269,406
- Thuế TNDN	4,333,165,224	2,562,382,160
- Thuế thu nhập cá nhân	11,310,908	
- Thuế môn bài		
- Các khoản phí, lệ phí và khoản phải nộp khác		126,920,000
Cộng	**4,578,915,347**	**3,494,571,566**

12- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (TK 34111):	**31/12/2017**	**01/01/2017**
Đặng Quang Thái	916,430,841	1,227,000,000
VietcomBank, CN Hoàng Mai		4,195,327,015
Cộng	**916,430,841**	**5,422,327,015**

13- Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (TK 34112):	**31/12/2017**	**01/01/2017**
Ngân hàng TMCP Đông Á-CN Cầu Giấy		197,500,000
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt		489,080,000
Cộng	**0**	**686,580,000**

14- Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	01/01/2017	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/12/2017
1- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	171,600,000,000	0		171,600,000,000
2- Thặng dư vốn cổ phần	(30,000,000)			(30,000,000)
3- Vốn khác của chủ sở hữu				0
4- Cổ phiếu quỹ (*)				0
5- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	11,744,984,231	16,482,329,423		28,227,313,654
Cộng	**183,314,984,231**	**16,482,329,423**	**0**	**199,797,313,654**

* Lý do tăng, giảm:

IV. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

01 - Chi tiết doanh thu và thu nhập khác	**Năm 2017**	**Năm 2016**
- Doanh thu bán hàng	43,983,562,609	43,034,150,247
Cộng	**43,983,562,609**	**43,034,150,247**

02 - Chi tiết doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2017	Năm 2016
Lãi tiền gửi Ngân hàng	9,845,418	
Lãi thu của các tổ chức, cá nhân	5,062,801,663	
Lãi do bán cổ phần	15,992,000,000	
Cộng	**21,064,647,081**	

03 - Chi phí tài chính	Năm 2017	Năm 2016
Lãi tiền vay Ngân hàng	9,869,283	
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	-204,290,022	
Cộng	**-194,420,739**	

Công ty đầu tư vào Công ty CP Phú Gia Hà Nam, do kết quả hoạt động SXKD không hiệu quả nên phải trích lập khoản dự phòng. Năm 2017 Công ty đã rút hết vốn đầu tư tại Công ty này nên khoản dự phòng đã trích lập nay hoàn nhập lại.

04 - Chi tiết chi phí bán hàng	Năm 2017	Năm 2016
- Chi phí nhân viên bán hàng		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	63,319,695	785,680,000
- Chi phí khác bằng tiền	59,189,000	889,598,000
- Chi phí không phù hợp với luật thuế		
Cộng	**122,508,695**	**1,675,278,000**

05 - Chi tiết chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2017	Năm 2016
- Chi phí nhân viên quản lý	370,486,194	434,486,203
- Chi phí vật liệu quản lý	27,340,000	
- Chi phí đồ dùng văn phòng	131,071,804	71,636,567
- Chi phí khấu hao TSCĐ	85,845,588	102,207,333
- Chi phí thuế, phí và lệ phí		625,000
- Chi phí dự phòng		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	204,353,886	69,046,280
- Chi phí khác bằng tiền	51,052,749	42,316,882
- Chi phí không phù hợp với luật thuế	518,042,743	552,949,590
Cộng	**1,388,192,964**	**1,273,267,855**

06 - Điều chỉnh các khoản tăng, giảm thu nhập chịu thuế TNDN	Năm 2017	Năm 2016
(1) Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20,426,369,894	5,304,120,410
(2) Các khoản thu nhập không tính vào thu nhập chịu thuế TNDN		
(3) Các khoản chi phí không được khấu trừ vào thu nhập chịu thuế TNDN	508,866,211	552,949,590
4) Số lỗ chưa sử dụng (Lỗ các năm trước được trừ vào lợi nhuận trước thuế)		
5) Thu nhập chịu thuế TNDN (5=1-2+3-4)	**20,935,236,105**	**5,857,070,000**

V - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

11 - Thông tin về các giao dịch không bằng tiền phát sinh trong năm báo cáo

12 - Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

VI- Những thông tin khác

- Những khoản nợ tiềm tàng
- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

VII- Đánh giá tổng quát các chỉ tiêu và các kiến nghị

Ngày 10 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)
Hoàng Thị Thơm	Hoàng Thị Ngát	Đặng Quang Thái

M.S.D.N: 0103930374 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH
Q. HAI BÀ TRƯNG - T.P HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 06./2018/KPF - CV	
(V/v: Giải trình nguyên nhân chênh lệch lợi nhuận sau thuế TNDN trên BCTC quý 4/2017 so với cùng kỳ năm 2016)	*Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2018*

Kính gửi : - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước

- Sở giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức niêm yết : **Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Hoàng Minh**
2. Mã chứng khoán : **KPF**
3. Địa chỉ : Tầng 1 số 163 đường Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
4. Nội dung : **Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Hoàng Minh** xin giải trình về việc:

   Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố quý 4/2017 thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm 2016.

Chỉ tiêu	Số liệu trên BCTC Quý 4/2017	Số liệu trên BCTC Quý 4/2016
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.239.322.673	4.132.706.410

Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng so với cùng kỳ năm 2016 là do quý 4 năm 2017 Công ty thực hiện thoái toàn bộ vốn tại một loạt các công ty liên kết bao gồm: Công ty Cổ phần Đầu tư Tam Hà, Công ty Cổ phần Phú Gia Hà Nam, Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Hà Nam, Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị Phú Gia đồng thời thu hồi và thanh lý tất cả các khoản hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh, các khoản cho vay dẫn đến doanh thu hoạt động tài chính tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2016.

Vậy, **Công ty Cổ phần đầu tư tài chính Hoàng Minh** gửi công văn giải trình để Quý Ủy ban và Quý Sở cùng các nhà đầu tư được biết.

Rất mong nhận được sự hỗ trợ của Quý cơ quan.

Xin trân trọng cám ơn !

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đặng Quang Thái

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VP.